

Số: 4138 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa (khu dân cư Tân Thành ECO3) của Công ty TNHH Tân Thành 1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Văn bản số 13208/UBND-CN ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận chủ đầu tư dự án Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4103/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch Khu nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu vực di tích thắng cảnh Mật Sơn, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 16401/UBND-CN ngày 29/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa (Khu dân cư Tân Thành ECO3);

Căn cứ Văn bản số 11978/UBND-CN ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ, thủ tục đầu tư, xây dựng dự án Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường - cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa (khu dân cư Tân Thành ECO3) của Công ty TNHH Tân Thành 1 tại Thông báo kết quả thẩm định số 6853/STNMT-BVMT ngày 16/8/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác

động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 45/CV-TT1 ngày 06/10/2021 của Công ty TNHH Tân Thành 1;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 985/Tr-STNMT ngày 15/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa (khu dân cư Tân Thành ECO3) (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Tân Thành 1 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Chủ tịch UBND phường Quảng Thắng, Giám đốc Công ty TNHH Tân Thành 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng,
thành phố Thanh Hóa (khu dân cư Tân Thành ECO3)
của Công ty TNHH Tân Thành 1

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa (khu dân cư Tân Thành ECO3).

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Thành 1.

- Đại diện: Ông: Lê Anh Hùng - Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 136, phố Cao Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 0913.293.408.

1.3. Phạm vi, quy mô dự án:

1.3.1. Phạm vi: Dự án thực hiện tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa trên diện tích khoảng 16.995,0m²; thuộc quy hoạch chi tiết 1/500 Khu vực di tích thắng cảnh Mật Sơn, thành phố Thanh Hóa đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 05/10/2017.

1.3.2. Quy mô:

- Quy mô dân số: Dự kiến 2.700 người.

- Quy mô các hạng mục công trình chính:

+ Xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài khu nhà ở thương mại thấp tầng gồm 46 căn, quy mô cao 03 tầng và 01 tum;

+ Xây dựng hoàn thiện 03 tòa nhà chung cư, mỗi tòa có quy mô cao 15 tầng, diện tích mỗi tòa khoảng 1.250m²;

+ Đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình khuôn viên cây xanh, đường giao thông nội bộ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công, sinh hoạt của công nhân và nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực dự án.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, trút đổ nguyên vật liệu; hoạt động thi công; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển,...

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng tại dự án; chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân dự án; quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị thi công.

2.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt khoảng 4,6 m³/ngày (trong đó: nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m³/ngày, nước rửa tay chân khoảng 2,3 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng khoảng 6,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng 14.785 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, trút đổ nguyên vật liệu; hoạt động thi công; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển,... Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 55,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilông, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm: Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thăm thực vật khoảng 54,5 tấn; đất bóc phong hóa đem đi đổ thải khoảng 1976,9 tấn; đất đá thừa từ quá trình đào đắp hố móng khoảng 9.154,04 tấn; sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng, sắt thép, tôn các loại khoảng 253,3 tấn; vật liệu xây dựng rơi vãi khoảng 191 tấn.

2.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong cả giai đoạn thi công khoảng 46,8kg. Thành phần gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ác quy, nhựa,...

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh trong cả giai đoạn thi công khoảng 39 lít. Thành phần chủ yếu là dầu, mỡ thải.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải phát sinh từ hoạt động hoàn thiện nhà ở thương mại thấp tầng của các hộ gia đình, nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình trong dự án và nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện ra vào dự án, hoạt động thi công hoàn thiện nhà ở; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của các hộ gia đình; chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công hoàn thiện nhà ở, vệ sinh môi trường.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ quản lý và hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình.

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng là 520,1 m³/ngày đêm, trong đó: nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: 251,3 m³/ngày; nước thải nhà vệ sinh: 211,8 m³/ngày; nước thải ăn uống: 77,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn ngày lớn nhất có lưu lượng 10.592,64 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Ngoài ra, còn có nước thải phát sinh từ hoạt động thi công hoàn thiện nhà ở thương mại thấp tầng, vệ sinh sân đường bộ.

2.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; phương tiện thi công hoàn thiện khu nhà ở thương mại thấp tầng; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, hệ thống cống rãnh thu gom thoát nước, xử lý nước thải... Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình khoảng 2.704,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, túi nilông, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, đồ nhựa, thủy tinh...

- Ngoài ra, còn có bùn cặn phát sinh từ các công trình xử lý môi trường, rác thải từ cảnh quan môi trường trong khuôn viên dự án và hoạt động thi công hoàn thiện nhà ở thương mại thấp tầng.

2.2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh do hoạt động của dự án chủ yếu là chất thải rắn khoảng 4,06 kg/tháng. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu gây bụi (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước khu vực, khu mặt nước nằm phía Đông và Tây dự án; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, có bố trí các hố ga lắng (kích thước 0,5m × 0,6m × 0,5m) để lắng loại bỏ bùn đất trước khi dẫn ra

hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước chung ở phía Nam trên đường Nguyễn Phục.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Trang bị 01 máy bơm nước hố móng để tránh hiện tượng ngập úng khi có mưa.

** Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom về hố lắng nước thải xây dựng có thể tích $9,0m^3$ (kích thước $3,0 m \times 2,0 m \times 1,5 m$) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực ở phía Nam trên đường Nguyễn Phục.

- Nước thải nhà vệ sinh được thu gom về 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại và khu vực thi công (kích thước mỗi nhà: $2,6 \times 0,9m \times 1,35m$, dung tích bồn phân 1.200 lit); định kỳ 02 ngày/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng có thể tích $9,0m^3$ (kích thước $3,0 m \times 2,0 m \times 1,5 m$) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực ở phía Nam trên đường Nguyễn Phục.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét dọn tuyến đường Nguyễn Phục phía Nam dự án trong phạm vi 300m từ dự án về 2 phía Tây và Đông dự án.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn cao 2,5m, dài 542m xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định;
- Nguyên vật liệu vận chuyển rơi vãi trong dự án thu gom tận dụng để lót sân đường nội bộ và dùng để san nền trong khu vực dự án;
- Chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.
- Đất dư thừa từ quá trình san nền, đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng vận chuyển đến các công trình đang cần san lấp trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng 200 lít/thùng chứa chất thải rắn nguy hại và 02 thùng dung tích 500 lít/thùng chứa chất thải lỏng có dán nhãn, mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại khu lán trại; định kỳ 01 lần/năm, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường. Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.
- Biện pháp giảm thiểu độ rung: Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Khuyến khích tại mỗi căn hộ của khu nhà ở xã hội các hộ dân sẽ tự trang bị thiết bị tách dầu mỡ (*kích thước 0,7m × 0,6m × 0,5m*) dung tích chứa khoảng 0,2 m³, đặt bên dưới bồn rửa khu vực bếp nấu; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt;

+ Tại mỗi căn liền kề thương mại của các hộ dân sẽ tự xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước và đấu nối vào hệ thống thoát nước chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Đấu nối toàn bộ nước mưa, nước thải phát sinh từ các hộ dân, khu vực công cộng về hệ thống thoát nước mưa, nước thải chung của dự án;

+ Khởi thông, nạo vét hệ thống mương, rãnh, hố ga thoát nước mưa, nước thải trong khu vực dự án; đảm bảo tiêu thoát nước mưa, nước thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực;

+ Bố trí nguồn kinh phí để vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống thu gom thoát nước tại dự án;

+ Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh cho 46 lô nhà ở thương mại với dung tích mỗi bể là $4,5\text{m}^3$; cho 03 khu nhà chung cư nhà ở xã hội, mỗi khu nhà 04 bể tự hoại với dung tích: $50\text{m}^3/\text{bể}$;

+ Xây dựng hoàn chỉnh và vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải công suất $376\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, gồm: 01 bể hiếu khí, 01 bể lắng và 01 bể khử trùng của dự án để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số $k=1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực trên đường Nguyễn Phục.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Khuyến khích tại mỗi căn liền kề thương mại của các hộ dân sẽ tự trang bị 01 hệ thống hút mùi, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường tại bếp nấu;

+ Thu gom, phân loại rác tại nguồn, không để rác tồn lưu lâu gây phát sinh mùi, để rác đúng thời gian và đúng nơi quy định;

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Thường xuyên quét dọn, phun chế phẩm khử mùi tại khu vực tập kết rác sinh hoạt của dự án; nạo vét, khơi thông hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải khu vực dự án nhằm giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường, tưới nước giảm bụi trong khu vực dự án;

+ Trồng cây xanh song song với quá trình thi công xây dựng các hạng mục của dự án, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về tỉ lệ diện tích cây xanh theo quy định; đặc biệt, xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Thu gom, phân loại, lưu giữ và tập kết chất thải rắn đúng nơi quy định; tuyệt đối không được vứt bừa bãi ra vỉa hè, lòng đường;

+ Khu vực bếp nấu các công trình khuyến khích bố trí trang bị thùng đựng rác chứa thức ăn thừa; tận dụng thức ăn thừa.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Bùn cặn phát sinh từ các hồ gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 01 năm/lần;

+ Bố trí 24 thùng chứa rác thải sinh hoạt công cộng loại 110 lít trong khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt;

+ Xây dựng khu tập kết chất thải rắn bố trí tại góc khuôn viên cây xanh phía Tây Bắc (trong góc khuôn viên cây xanh của hạng mục nhà ở xã hội), khu tập kết có diện tích 60m^2 , xây tường bao che, mái lợp tôn che chắn; trong đó,

khu vực tập kết CTR sinh hoạt có diện tích 40m², bên trong bố trí 04 thùng dung tích 0,5m³/thùng có nắp đậy và bánh xe đẩy;

+ Phun chế phẩm EM/Enchoice để phun khử mùi, diệt khuẩn và ruồi, muỗi tại khu vực tập kết rác thải tạm của dự án với tần suất 02 lần/tháng;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh, hút bùn bề tự hoại khu vực công cộng, hệ thống xử lý nước thải tập trung với tần suất 6 tháng/lần.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

Thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại bỏ vào thùng do Chủ đầu tư trang bị tại khu tập kết chất thải nguy hại; không để lẫn với chất thải rắn sinh hoạt.

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Xây dựng khu tập kết chất thải nguy hại diện tích 20m² xây tường bao che, mái lợp tôn che chắn, bên trong bố trí 02 thùng (dung tích 0,3 m³/thùng) chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định;

+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách đến khu vực để thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

3.2.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Các biện pháp phòng cháy chữa cháy bao gồm:

- Thiết kế và lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy theo đúng quy định của Nhà nước.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức về công tác PCCC đối với các hộ gia đình.

- Bố trí các họng lấy nước phòng cháy chữa cháy có sẵn, thuận tiện sử dụng khi cần thiết.

- Bố trí các trục đường có ống cấp nước chính đặt các trụ cứu hỏa, ưu tiên đặt các trụ cứu hỏa ở ngã ba, ngã tư để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 376 m³/ngày.đêm, gồm 01 bể hiếu khí và 01 bể khử trùng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát chất lượng khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Vị trí giám sát:*

+ K1: Tại khu vực lán trại công nhân;

+ K2: Tại khu vực thi công dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm/vận hành thương mại.

Giám sát chất lượng nước thải

- *Tần suất giám sát:*

+ Giai đoạn vận hành thử nghiệm: Tần suất 15 ngày/lần (trong vòng 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm); giai đoạn vận hành ổn định với tần suất 01 ngày/lần (trong 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu suất).

+ Giai đoạn vận hành thương mại: 03 tháng/lần.

- *Chỉ tiêu giám sát:* BOD₅, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 02 mẫu nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra mương thoát nước chung của dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1)/.